TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-PT
Ngày: 18 - 09 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Bà Từ Thị H Dương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với các Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả T T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H và Tạ Bá T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 18/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị S, (tên gọi khác: Nguyễn Thùy Linh) sinh ngày 09 tháng 5 năm 2000 tại: xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: nghề tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị L; tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 09/02/2021được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn C, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị T; vợ: Phạm Thị L và 02 con chung, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự; không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 05/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Giả T T, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1992 tại xã Q, huyện Q Trạch, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn 4, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giả Viết D và bà Từ Thị Đ; tiền án, tiền sự; không; về nhân thân: Ngày 07/9/2011 bị Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); ngày 05/01/2015 bị Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 08/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Từ Đình H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1995 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Đình T và bà Phan Thị M; tiền án, tiền sự; không; về nhân thân: Ngày 09/4/2013 bị Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù, cho được hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 27/3/2015 bị Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 42 tháng về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù (đã xóa án tích); ngày 01/12/2018, Xâm hại đến sức khoẻ của người khác bị Công an thành phố Đồng Hới, Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính (được coi là chưa bị xử lý hành chính).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 08/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Sau đó ngày 25/6/2021 bị cáo tiếp tục bị bắt tạm giam cho đến nay. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Giả Minh S, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1995 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Gỉa Minh S và bà Từ Thị T; vợ: Phạm Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 08/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Sau đó ngày 24/6/2021 bị cáo tiếp tục bị bắt tạm giam cho đến nay. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1994 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy công trình; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H N và bà Tạ Thị T; tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 06/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Tạ Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 09 năm 1994 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy công trình; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Hữu T và bà Đàm Thị H; về tiền sự: không; về tiền án: bị cáo có 01 tiền án, cụ thể: ngày 18/9/2019 bị Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ (thuộc trường hợp tái phạm); về nhân thân, ngày 02/03/2019, sử dụng trái phép chất ma tuý bị Công an huyện Quảng Trạch, Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính (được coi là chưa bị xử lý hành chính).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Tạ Bá T, sinh ngày 5 tháng 11 năm 1994 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Bá D và bà Chu Thị T; vợ Nguyễn Thị H, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 sau đó chuyển tạm giam đến 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Sau đó ngày 25/6/2021 bị cáo tiếp tục bị bắt tạm giam cho đến nay. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Minh T, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: khu vực 4, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Chị: Phan Thị P, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Anh Võ Trần Q, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4. Anh Trần Đức M, sinh năm: 1990, Nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Anh Võ Duy H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: khối 9, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có mặt.

+ Anh Võ Quốc D, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Phạm Minh H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Phan T N, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Lê Thị Tố N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22/12/2020, Giả T T cùng nhóm bạn gồm: Phạm Văn C, Nguyễn Thị S; Từ Đình H; Giả Minh S; Nguyễn Văn T; Phạm Minh H; Phan T N; Tạ Ngọc H; Trần Đức M; Tạ Bá T đến phòng hát VIP 7, tầng 2 quán Karaoke Phương Thành, thuộc địa phận xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình để hát karaoke. Trong lúc đang hát, Giả T T đã nói với Nguyễn Thị S lấy 05 viên kẹo và 02 chỉ Ketamin ma túy để sử dụng và S đồng ý. Sau đó, S liên hệ một người đàn ông thông qua mạng xã hội Facebook với tên "NOI NGUYEN" để hỏi mua ma tuý và được báo giá là 5.400.000 (năm triệu bốn trăm nghìn đồng), rồi S báo giá lại cho T và T đồng ý mua. Trong quá trình hát karaoke thì có thêm Võ Trần Q; Trần Minh T; Lê Thị Tố N; Phan Thị P tới tham gia hát karaoke.

Trong lúc mọi người đang hát thì Phạm Văn C đã chở S về xưởng đá "Phạm Hoàng" của C để lấy áo khoác. Trên đường quay lại quán karaoke Phương Thành,

S đã nói với C về việc T nhờ mua ma túy. Khi nghe vậy, C nói với S không cho lấy nữa, nhưng S bảo đặt rồi không huỷ được nữa, rồi cả hai quay lại quán karaoke.

Một lúc sau, S nhận được điện thoại báo hàng tới nên S nói với T để lấy tiền xuống trả tiền mua ma tuý, nhưng T không nói gì, nên S đi lại bảo với C là nói với T để lấy tiền xuống trả tiền mua ma túy. Lúc này, C đứng dậy tắt nhạc, nói to với mọi người là "Góp trước mỗi người 500.000 đồng để lấy đồ, còn ai thiếu thì cuối buổi góp trả tiền quán", nghĩa là bảo mọi người góp tiền mua ma túy để sử dụng. Tuy không nói rõ là góp tiền mua ma túy, nhưng mọi người hiểu ý C là góp tiền để mua ma túy và không phản đối. Sau khi C nói xong thì H, S mỗi người góp 500.000 đồng cho C. Do không mang theo tiền nên H và N đã nhờ C góp tiền hộ, rồi sẽ trả lại cho C sau, thì C đồng ý góp cho H và N mỗi người 500.000 đồng. Lúc này, Phạm Văn C và Phạm Minh H nảy sinh mâu thuẫn với nhau nên Phạm Minh H cùng Phan T N và Nguyễn Văn T đi về trước, còn cả nhóm tiếp tục hát. Sau khi vào phòng C thấy M là bạn của T, nên C đã hỏi T xem có thu tiền của M không thì T bảo phần của M để T góp, rồi T trực tiếp góp thay M 500.000 đồng để mua ma túy. Tiếp đó, C đi lại vị trí của T hỏi để thu tiền, nhưng vì T không có tiền, nên T chỉ tay về phía H đang đứng cạnh mình. Thấy vậy, H bảo C góp luôn cho T rồi cuối buổi T trả tiền lại cho C, lúc này C hỏi lại T thì T gật đầu đồng ý, nên C góp 500.000 đồng cho T. Trong lúc C đang thu tiền thì Võ Trần Q nói " C ơi! góp đó cho anh mừng sinh nhật thằng T", C đồng ý, rồi lấy 500.000 đồng góp phần của Quý. Còn Nguyễn Thị S, Phan Thị P và Phan Thị Tố N là con gái nên Phạm Văn C không hỏi để thu tiền; Trần Minh T thì C không để ý nên không biết đến khi nào, nên cũng không hỏi để thu tiền mua ma túy. Quá trình mọi người góp tiền thì còn thiếu 1.400.000 đồng, thì T và S bảo C đứng ra chi trả, sau đó sẽ tính toán với cả nhóm sau, C đồng ý, rồi lấy 1.400.000 đồng ra góp. Số tiền góp được là 5.400.000 đồng, C đem cho S đi mua ma túy.Sau khi mua được ma túy, S đã đưa cho H 02 chỉ ke, còn đem cho C 05 viên ma túy (dạng viên kẹo). Lúc này, H lấy một viên ma túy (dạng viên kẹo) rồi H chia thành 03 phần đem cho Trung, N mỗi người một phần sử dụng, một phần thì H sử dụng. Còn C chia nhỏ 04 viên ma túy (dạng viên kẹo) ra rồi đem cho T, T, S, H, Quý, M, S, Nga và C, để sử dụng. Còn phần ma túy C đem cho M thì M đã đem cho Phương sử dụng, nên C tiếp tục đem cho M một phần ma túy, rồi M sử dụng. Tiếp đó, H lấy một gói ma túy đổ ra trên đĩa sứ, rồi dùng thẻ căn cước nghiền nát số ma túy (xào ke), rồi chia ra thành từng đường nhỏ để sử dụng. Còn S đem cho S 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, loại tiền Polime, rồi bảo S cuốn thành ống hút. S lấy ống giấy đầu lọc của điếu thuốc lá đem cho S luồn ống hút được cuốn bằng tờ tiền phía trong để cố định, mục đích để sử dụng ma túy. Trong lúc các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Quá trình bắt quả tang đã phát hiện thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 30 cm, trên bề mặt có bám dính chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị Â, trên bề mặt có dính chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy); 01 túi ni lông màu trắng trong suốt, kích thước 2,5 x 2,5 cm, bên trong có bám dính chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy); 01 túi ni lông màu trắng trong suốt, kích thước 2,5 x 2,5 cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy); 01 túi ni lông màu màu trắng trong suốt, kích thước 8,5 x 05 cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy); tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam và điện thoại di động của các đối tượng. Sau khi tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong các tang vật có liên quan phục vụ quá trình điều tra. Tiến hành test nhanh ma tuý (kiểm tra nước tiểu bằng que thử) phát hiện các đối tượng đều dương tính với chất ma tuý. Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả T T, Từ Đình H, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T, Giả Minh S và các đối tượng Phan Thị P, Võ Trần Q, Trần Minh T, Trần Đức M, Lê Thị Tố N đã khai nhận trong quá trình hát karaoke đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tại Bản kết luận giám định số 18/GĐ-PC09 ngày 28/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận như sau:Mẫu ký hiệu A1 và A2; A3; A4; A5 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,629g (không phẩy sáu trăm hai mươi chín gam).Tổng khối lượng Ketamine mà các đối tượng tàng trữ để sử dụng là 1,216g (một phẩy hai trăm mười sáu gam).

Bản Cáo trạng số 41/CT-VKSQT ngày 09 tháng 09 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả T T, Từ Đình H, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T, Giả Minh S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch tuyên bố các bị cáoNguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T, Giả Minh S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Giả Thanh T** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị S** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/2/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/2/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Từ Đình H** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Từ Đình H 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Giả Minh S** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Giả Minh S 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 06/2/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tạ Ngọc H** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tạ Bá T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/2/2021.Tiếp tục tạm giam bị cáo Tạ Bá T 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Bản án sơ thẩm còn tuyên buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định ngày 08 tháng 6 năm 2022 các bị cáo Từ Đình H, Giả Minh S, Tạ Bá T, có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 bị cáo Nguyễn Thị S, có đơn kháng cáo với nội dung xin được chuyển hình phạt từ giam S treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 các bị cáo Phạm Văn C, Giã Thanh T, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T, khai và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và chuyển hình phạt từ tù giam S án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá Ttại phiên toà phúc thẩmphù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật vụ án bị thu giữ, Kết luận giám định loại ma tuý, trọng lượng chất ma tuý, phù hợp với lời khai của các bị cáo, các đối tượng đã sử dụng ma tuý trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T có đủ yếu tố cấu thành của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015). Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo củacác bị cáo Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T, xin giảm nhẹ hình phạt, xét

kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S xin được chuyển hình phạt từ giam S treo hoặc cải tạo không giam giữ Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức và biết được tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma tuý, biết được việc mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì pH chịu hình phạt rất nghiêm khắc nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Trong vụ án này các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015, có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Theo vai trò tổ chức của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Giả Thanh T là người đã khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Thị S là người liên hệ để mua ma túy, bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi kêu gọi mọi người trong phòng hát góp tiền để mua ma túy; bị cáo Tạ Ngọc H là người góp tiền cho C để mua ma túy, chia ma túy cho N, Trung sử dụng; bị cáo Nguyễn Văn N, Giả Minh S là người biết việc C bảo mọi người góp tiền mua ma túy rồi nhờ H góp tiền cho C để mua ma túy, Giả Minh S là người trực tiếp góp cho C 500.000 đồng để mua ma túy,bị cáo S là người cuốn tờ tiền thành ống hút, rồi luồn trong ống giấy đầu lọc thuốc lá để tạo thành công cụ hít Ketamin, bị cáoTừ Đình H có mặt trong phòng, trực tiếp góp tiền cho C để mua ma túy đồng thời trực tiếp tiến hành đồ Ketamin ra đĩa sứ, rồi dùng thẻ căn cước công dân cán nhỏ, chia ma túy thành từng luống nhỏ cho tạo điều kiện thuận lợi để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác, bị cáo Tạ Bá T biết việc C tắt nhạc bảo mỗi người góp 500,000 đồng để mua ma túy sau đó T sẽ góp trả tiền lại sau.

Xét thấy quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo không có sự bàn bạc, trao đổi cụ thể với nhau, không phân công cụ thể vai trò, nhiệm vụ của mỗi người là phải làm gì để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo đều biết rõ, nhận thức được việc mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng và đã đồng ý, tiếp nhận ý chí của nhau, tự nguyện đóng góp tiền để cùng mục đích mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, tình tiết tăng nặng xử phạt đối với các bị cáo Giả Thanh T 42 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị S 36 tháng tù; bị cáo Phạm Văn C 36 tháng tù; bị cáo Từ Đình H 42 tháng tù; bị cáo Giả Minh S 36 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn N 36 tháng tù; bị cáo Tạ Ngọc H 42 tháng tù; bị cáo Tạ Bá T 36 tháng tù là quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật Hình sự năm 2015 là thoả đáng, không nặng.

Các bị cáo Phạm Văn C, Giả T T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo xin được chuyển hình phạt từ giam S treo hoặc cải tạo không giam giữ nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ chưa được Bản án sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáoNguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T.

Các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T kháng cáo không được chấp nhận nên pH chịu Án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135,136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Giả Thanh T**42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị S** 36 (*Ba mươi sáu*) tháng

tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/2/2021.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Từ Đình H** 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Từ Đình H 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử .

1.5 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Giả Minh S** 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Giả Minh S 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

1.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 06/2/2021.

1.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tạ Ngọc H** 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 08/2/2021.

1.8 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tạ Bá T** 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tùvề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 25/6/2021, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/12/2020 đến ngày 05/2/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Tạ Bá T 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

2. Các bị cáo Nguyễn Thị S, Phạm Văn C, Giả Thanh T, Từ Đình H, Giả Minh S, Nguyễn Văn N, Tạ Ngọc H, Tạ Bá T pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18 tháng 9 năm 2022).

Nơi nhận:
- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Phòng PV27-CAQB;
- Lưu Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Long